

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC THỦY
TỈNH HÒA BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2021/HNGĐ-ST.

Ngày: 15/12/2021

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC THỦY, TỈNH HÒA BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Thái Hùng Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Hải.

Bà Nguyễn Thị Khánh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thắm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân (TAND) huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2021/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2021, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 01/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị ĐTL, sinh năm 1993, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 11, thôn VP, xã VK, huyện MĐ, thành phố Hà Nội;

Bị đơn: Anh NVĐ, sinh năm 1992, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã TN, (Nay là khu Đ1, thị trấn BHĐ), huyện LTh, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/7/2021 và bản tự khai nguyên đơn chị ĐTL trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh NVĐ ngày 14/8/2012. Trước khi kết hôn hai bên tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TN (nay là thị trấn BHĐ), huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Sau khi cưới xong, hai vợ chồng lên Hà Nội đi làm và sinh sống. Trong quá trình chung sống, khoảng một năm đầu vợ chồng chung sống bình thường, sau đó tôi phát hiện anh Đ có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Không lâu sau, do ham chơi nên anh Đ bị bắt và đi chấp hành án tù năm 2014 đến năm 2017. Sau khi chấp hành án xong, ở nhà được khoảng hơn một năm thì anh Đ lại

chơi bời và tiếp tục phạm tội. Tôi đã cố gắng bỏ qua để hi vọng anh Đ thay đổi để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nuôi dạy con. Tuy nhiên, anh Đ vẫn chứng nào, tật đấy không chịu thay đổi.

Nay bản thân tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc. Bản thân tôi không còn tình cảm với anh Đ nữa. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy giải quyết cho tôi được ly hôn với anh NVĐ.

Về con chung: Tôi và anh Đ có 01 con chung NHN, sinh ngày 25/11/2012. Hiện tại con đang ở với tôi, sau ly hôn tôi có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con và chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: không có nợ chung.

Bị đơn anh Đ trình bày: Tôi và chị L kết hôn vào ngày 14/8/2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TN, huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Trước khi kết hôn, tôi và chị L được tìm hiểu nhau rồi đi đến kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống được 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn vợ chồng là do tôi chơi bời, không nghe theo khuyên bảo của người thân. Nay chị L làm đơn ly hôn, tôi hoàn toàn đồng ý vì quan điểm sống của tôi và chị L khác nhau trong cuộc sống nên không thể chung sống với nhau được.

Về con chung: Tôi và chị L có 01 con chung NHN, sinh ngày 25/11/2012. Tôi đồng ý để chị L nuôi dưỡng cháu. Tôi mong được quyền đến thăm con thường xuyên.

Về tài sản chung: Tôi và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Tôi và chị L không có nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) trong quá trình thụ lý giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ, tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về chấp hành pháp luật của nguyên đơn và bị đơn:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay nguyên đơn, bị đơn chấp hành tốt các quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 của BLTTDS.

Do vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, tại phiên Tòa ngày hôm nay cả nguyên đơn và bị đơn đều xin xét xử vắng mặt. Nên vụ án được xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L, anh Đ mâu thuẫn đã lâu, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận đơn xin ly hôn và giải quyết cho chị ĐTL được ly hôn với anh NVĐ.

- Về con chung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật HN&GD giao con chung NHN, sinh ngày 25/11/2012 cho chị ĐTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị L chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: chị L, anh Đ đều nhất trí là không có tài sản chung; công nợ chung không có nên không xem xét.
- Về án phí: Đề nghị HĐXX tuyên theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; HĐXX nhận định:

[1] Về thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án:

Tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hôn nhân. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ1, xã TN (nay là thị trấn BHĐ), huyện LTh, Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Thủy thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Nguyên đơn là chị L và bị đơn là anh Đ đều có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị L và bị đơn là anh Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

*** Về quan hệ hôn nhân:**

Chị ĐTL và anh NVĐ kết hôn năm 2012, có đăng ký tại UBND xã TN (nay là thị trấn BHĐ), huyện LTh, tỉnh Hòa Bình. Quan hệ hôn nhân giữa chị L và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp. Trong thời gian chung sống, thời gian đầu anh chị chung sống hạnh phúc nhưng không lâu sau thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, cách sống, không tìm ra tiếng nói chung giữa vợ chồng. Xét thấy cuộc sống chung giữa chị L, anh Đ không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L có nguyện vọng xin được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

*** Về con chung:** Chị L và anh Đ có 01 con chung NHN, sinh ngày 25/11/2012; hiện nay chị L là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung; sau ly hôn, chị L có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, chưa yêu anh Đ phải cấp dưỡng; cháu NHN cũng có nguyện vọng ở với mẹ đẻ. Bản thân anh Đ cũng nhất trí giao con chung là NHN cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác là phù hợp với quy định tại các Khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L chưa yêu cầu nên HĐXX không đề cập.

*** Về tài sản chung, công nợ chung:** chị L, anh Đ đều khai nhận không có tài sản chung và công nợ chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về án phí: Chị ĐTL phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 177; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, xử cho chị ĐTL được ly hôn với anh NVĐ.

2. Về con chung: Giao con chung NHN, sinh ngày 25/11/2012 cho chị ĐTL trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Anh NVĐ được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L chưa yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị ĐTL phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004564 ngày 05/7/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạc Thủy.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Thủy;
- Chi cục THADS huyện Lạc Thủy;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn BHD;
- Lưu HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Thái Hùng Dũng